TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2019
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh –** Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Hữu T,** sinh năm 1981 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 14 tháng 6 năm 2019)

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Lộc Thị H,** sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2018 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Phạm Hữu T trình bày:***

Hôn nhân giữa anh và chị Lộc Thị H do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 28 tháng 12 năm 2009. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp B, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh và chị H không còn sống chung từ năm 2017 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lộc Thị H.

- *Về con chung:* Có hai con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2009 và Phạm Minh H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2013 hiện đang sống với anh T. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị Lộc Thị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

**** Đối với bị đơn chị Lộc Thị H:***

Chị Lộc Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện chị H không có mặt tại địa phương, đi không trình báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị H cố tình không hợp tác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 05 tháng 4 năm 2019 cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2009 trình bày:*** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: 02 trích lục khai sinh bản sao, 01 trích lục kết hôn bản sao, bảng khai ý kiến của cháu Phạm Quỳnh A.

Bị đơn chị Lộc Thị H không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên chị H không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2019 Tòa án đã tiến hành xác minh ông Phạm Hữu L là cha chồng của chị Lộc Thị H, theo ông L trình bày thì chị H có biết việc anh T yêu cầu ly hôn với chị, chị H cũng không có ý kiến nhưng chị H bận công việc không về được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Hướng giải quyết vụ án: áp dụng Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về hôn nhân: Cho anh Phạm Hữu T được ly hôn với chị Lộc Thị H.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2009 và Phạm Minh H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2013 cho anh Phạm Hữu T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị Lộc Thị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Buộc anh Phạm Hữu T chịu tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử chị Lộc Thị H cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, chị H biết anh T yêu cầu ly hôn với chị tại Tòa án. Ngày 14 tháng 6 năm 2019 anh Phạm Hữu T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Hữu T và chị Lộc Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 28 tháng 12 năm 2009. Theo lời trình bày của anh T thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng phai nhạt, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh T yêu cầu ly hôn với chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Giao con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2009 và Phạm Minh H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2013 cho anh Phạm Hữu T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị Lộc Thị H phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: Anh Phạm Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Anh Phạm Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Phạm Hữu T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Hữu T.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Hữu T được ly hôn với chị Lộc Thị H.

[2] Con chung: Giao con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2009 và Phạm Minh H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2013 cho anh Phạm Hữu T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị Lộc Thị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lộc Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Anh Phạm Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Anh Phạm Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Phạm Hữu T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0009452 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Huỳnh Văn Vui